

## Chính tả

1. Điền vào chỗ trống **r**, **d** hoặc **gi**. Giải câu đố.



....áng hình không thấy, chỉ nghe  
Chỉ nghe xào xạc vo ve trên cành  
Vừa ào ào giữa ....ừng xanh  
Đã về bên cửa ....ung mảnh leng keng.  
Là .....

2. Đặt trên những chữ in đậm **dấu hỏi** hoặc **dấu ngã**. Giải câu đố.



Giọt gì từ **biên**, từ sông  
Bay lên lơ **lung** mênh mông lung trời  
**Coi** tiên thơ **thân** rong chơi  
Gặp miền giá rét lại rơi xuống trần.  
Là .....

## Luyện từ và câu

1. Viết tên các nước mà em biết :

.....  
.....  
.....  
.....

2. Đặt **dấu phẩy** vào chỗ thích hợp trong những câu sau :

- a) Bằng những động tác thành thạo chỉ trong phút chốc ba cậu bé đã leo lên đỉnh cột.
- b) Với vẻ mặt lo lắng các bạn trong lớp hồi hộp theo dõi Nen-li.
- c) Bằng một sự cố gắng phi thường Nen-li đã hoàn thành bài thể dục.

## Chính tả

1. Điền vào chỗ trống :

a) **rong, dong** hoặc **giong**

- |              |                     |
|--------------|---------------------|
| - ..... ruồi | - thông .....       |
| - ..... chơi | - trống ..... cờ mở |
|              | - gánh hàng .....   |

b) **rủ** hoặc **rữ**

- |                       |                         |
|-----------------------|-------------------------|
| - cười ..... rượi     | - ..... nhau đi chơi    |
| - nói chuyện ..... rí | - lá ..... xuống mặt hồ |

